**BÀI 1: PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG**

**1. Khái niệm, các đặc trưng và bản chất của pháp luật**

***a. Khái niệm***

\* Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

***b. Các đặc trưng của pháp luật***

***Đặc trưng***

***pháp luật***

Tính quy phạm phổ biến

Tính quyền lực, bắt buộc chung

Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

- Áp dụng nhiều lần, nhiều nơi

- Tất cả mọi người,

- Trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội

- Ai cũng phải xử sự theo PL

- Nếu không sẽ bị xử lí theo PL.

- Thể hiện bằng văn bản quy phạm PL

- Diễn đạt chính xác, một nghĩa

- Do nhà nước ban hành.

***c. Bản chất của pháp luật***

*Bản chất giai cấp của pháp luật*

- PL do Nhà nước ban hành phù hợp với ý chí nguyện vọng của giai cấp cầm quyền mà nhà nước là đại diện

*Bản chất xã hội của pháp luật*

+ Các quy phạm PL bắt nguồn từ thực tiễn đời sống xã hội

+ Các quy phạm PL được thực hiện trong thực tiễn đời sống xã hội, vì sự phát triển của xã hội.

**2. Mối quan hệ giữa PL và đạo đức**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Đạo đức** | **Pháp luật** |
| *Nguồn gốc*  *hình thành* | Các quy tắc xử sự chung trong đời sống xã hội, do nhân dân ghi nhận | Các quy tắc xử sự chung trong đời sống xã hội được nhà nước ghi nhận |
| *Nội dung* | Các quy tắc xử sự (việc nên làm, việc không nên làm) | Các quy tắc xử sự (việc được làm, phải làm, không được làm) |
| *Hình thức thể hiện* | Thông qua lương tâm, thái độ của con người | Văn bản quy phạm PL |
| *Phương thức tác động* | Giáo dục bằng thái độ, lấy “đức” phục “nhân” | Giáo dục cưỡng chế bằng quyền lực nhà nước |

**3. Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.**

***a. Pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lí xã hội***

- Nhờ có PL, nhà nước phát huy được quyền lực của mình và kiểm tra, kiểm soát được các hoạt động của mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan trong phạm vi lãnh thổ.

- Quản lí bằng PL sẽ đảm bảo tính dân chủ, công bằng, phù hợp với lợi ích chung của các giai cấp và tầng lớp xã hội khác nhau, tạo được sự đồng thuận trong xã hội đối với việc thực hiện PL

***b. Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.***

- Thông qua các quy định trong các văn bản PL công dân thực hiện quyền của mình, PL cũng là phương tiện để công dân bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi bị xâm phạm.

**BÀI 2: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT**

**1. Khái niệm, các hình thức thực hiện pháp luật**

***a. Khái niệm thực hiện pháp luật***

Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức.

***b. Các hình thức thực hiện pháp luật***

***Các hình thức***

***thực hiện pháp luật***

*­ Sử dụng pháp luật:*

*­ Thi hành pháp luật:*

*­ Tuân thủ pháp luật:*

*­ Áp dụng pháp luật:*

Cá nhân, tổ chức

Thực hiện QUYỀN

Cá nhân, tổ chức

thực hiện NGHĨA VỤ

Cá nhân, tổ chức

*không làm* những điều *pháp luật cấm.*

Cơ quan, công chức nhà nước có

thẩm quyền *căn cứ vào pháp luật để ra các quyết định*

*.***2. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí**

***a. Vi phạm pháp luật***

*Là hành vi*

*trái pháp luật*

*Do người có năng lực*

*trách nhiệm páp lí*

*thực hiện.*

*Người vi phạm pháp luật*

*phải có lỗi.*

+ Xâm hại các mối quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

+ Là hành động (làm những việc không được làm theo pháp luật)

+ Hoặc không hành động (không làm những việc phải làm theo pháp luật)

Đã được độ tuổi nhất định theo quy định pháp luật ( từ đủ 16 tuổi trở lên)

Có thể nhận thức, điều khiển hành vi của mình.

Lỗi cố ý hoặc vô ý

***Vi phạm***

***pháp luật***

***b.Trách nhiệm pháp lí***

­ Trách nhiệm pháp lí là nghĩa vụ mà các cá nhân, tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình.

­Tác dụng (Mục đích):

+ Buộc cá chủ thể vi phạm pháp luật chấm dứt hành vi trái pháp luật

+ Giáo dục, răn đe những người khác để họ tránh, hoặc kiếm chế những việc làm trái pháp luật

**3. Các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí**

***a. Vi phạm hình sự*** là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị coi là tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự.

***Trách nhiệm***

***Hình sự (TNHS)***

Từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi

phải chịu TNHS về

Tội phạm nghiêm trọng do cố ý

Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Từ 16 tuổi trở lên phải chịu

TNHS về mọi tội phạm .

***b. Vi phạm hành chính*** là hành vi vi phạm pháp luật có mức độ nguy hiểm cho xã hội nhưng thấp hơn tội phạm, xâm phạm các *quy tắc quản lí nhà nước.*

***Trách nhiệm***

***Hành chính***

Từ 14 đến 16 tuổi bị xử phạt hành chính do cố ý vi phạm

Từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt hành chính về mọi vi phạm hành chính.

***c. Vi phạm dân sự*** là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới các *quan hệ tài sản* (quan hệ sở hữu, quan hệ hợp đồng…) và *quan hệ nhân thân* (liên quan đến các quyền nhân thân, không thể chuyển giao cho người khác)

Người từ đủ 6 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi khi tham gia các giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật

***d. Vi phạm kỉ luật*** là vi phạm pháp luật liên quan đến kỉ luật lao động và công vụ nhà nước.

Người vi phạm kỉ luật phải chịu trách nhiệm kỉ luật với các hình thức cảnh cáo, hạ bậc lương, chuyển công tác khác, buộc thôi việc…

**BÀI 3: CÔNG DÂN BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT**

**1. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ**

Là bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân

­ Mọi công dân đều được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của mình:

+ Quyền: bầu cử, ứng cử, quyền sở hữu, quyền thừa kế, các quyền tự do cơ bản và các quyền dân sự, chính trị khác…

+ Nghĩa vụ: bảo vệ Tổ quốc, đóng thuế, bảo vệ môi trường, tôn trọng pháp luật…

Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần, địa vị xã hội

**2. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí**

Bình đẳng về trách nhiệm pháp lí là bất kì công dân nào (dù ở đại vị nào, làm bất cứ nghề gì) khi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mính và bị xử lí theo quy định của pháp luật.

**3. Trách nhiệm của Nhà nước**

Quyền và nghĩa vụ của công dân được Nhà nước quy định trong Hiến pháp và luật.

Nhà nước và xã hội có trách nhiệm tạo ra các điều kiện vật chất, tinh thần để bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân

Nhà nước xử lý nghiêm những hành vi vi phạm quyền và lợi ích của công dân, của xã hội

Nhà nước không ngừng đổi mới, hoàn thiện hệ thống PL

**BÀI 4: QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN ĐỐI VỚI MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA**

**ĐỜI SỐNG XÃ HỘI**

**1. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình**

***a. Khái niệm***

Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình được hiểu là *bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng và giữa các thành viên trong gia đình* trên cơ sở nguyên tắc dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử trong các mối quan hệ ở phạm vi gia đình và xã hội.

***b. Nội dung***

*\* Bình đẳng giữa vợ và chồng*

­ Trong quan hệ **nhân thân:**

Vợ chồng có quyền

và nghĩa vụ ngang nhau

(1) Lựa chọn nơi cư trú

(2) tôn trọng danh dự, nhân phẩm

(3) Tôn trọng tín ngưỡng

(4) Bình đẳng trong kế hoạch hóa gia đình

Trong quan hệ **tài sản:**

Vợ, chồng có quyền

và nghĩa vụ ngang nhau

Sở hữu

tài sản chung

- Phải ghi tên cả vợ chồng (nếu pháp luật quy định)

- Phải bàn bạc (nếu mua bán, trao đổi…)

Vợ chồng có quyền

sở hữu tài sản riêng

- Tài sản có trước khi kết hôn.

- Được thừa kế, tặng, cho riêng trong thời kỳ hôn nhân.

*\* Bình đẳng giữa cha mẹ và con*

­ Cha mẹ phải thương yêu, chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, tôn trọng ý kiến, chăm lo việc hoạc tập và phát triển của các cơn

- Cha mẹ không lạm dụng sức lao động, phân biệt đối xử, ngược đãi, hành hạ, xúc phạm, xúi giục ép buộc con làm việc trái PL và đạo đức

- Con cái phải yêu quý, kính trọng, chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ

- Con cái không ngược đại, hành hạ, xúc phạm cha mẹ

*\* Bình đẳng giữa ông bà và cháu*

- Ông bà: nôi dưỡng, chăm nom, giáo dục các cháu

- Các cháu: kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà

*\* Bình đẳng giữa anh, chị, em*

Anh, chị, em đùm bọc, nuôi dưỡng, thương yêu, giúp đỡ, chăm sóc lẫn nhau

**2. Bình đẳng trong lao động**

***a. Khái niệm***

Bình đẳng trong lao động được hiểu là bình đẳng giữa mọi công dân trong thực hiện quyền lao động thông qua việc tìm việc làm, bình đẳng giữa người sử dụng lao động và người lao động thông qua hợp đồng lao động, bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ trong từng cơ quan, doanh nghiệp và trong phạm vi cả nước.

***b. Nội dung***

*Bình đẳng*

*trong thực hiện*

*quyền lao động*

Có quyền làm việc.

Tự do lựa chọn nghề nghiệp

Không bị phân biệt đối xử về

- Giới tính

- Dân tộc

- Tôn giáo

- Nguồn gốc gia đình

- Thành phần kinh tế.

*\* Bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động*

**Hợp đồng**

**lao động**

***Nguyên tắc***

Tự do, tự nguyện, bình đẳng

Không trái pháp luật

thoả ước lao động tập thể

Giao kết trực tiếp giữa hai bên

***Nội dung***

Việc làm có trả công

Điều kiện lao động

Quyền và nghĩa vụ giữa các bên

*\* Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ*

- Bình đẳng về cơ hội tiếp cận việc làm;

- Bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng;

- Được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện việc làm khác.

- Người sử dụng lao động không được đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động hoặc sa thải lao động nữ vì lí do kết hôn, có thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi, đồng thời không sử dụng lao động nữ vào công việc nặng nhọc, nguy hiểm, hoặc tiếp xúc với hóa chất độc hại có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe sinh sản.

**3. Bình đẳng trong kinh doanh**

***a. Khái niệm***

Bình đẳng trong kinh doanh có nghĩa là mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ kinh tế, từ việc lựa chọn ngành, nghề, địa điểm kinh doanh, lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh, đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh đều bình đẳng theo quy định của pháp luật.

***b. Nội dung***

­ Mọi công dân đều có quyền tự do kinh doanh, thành lập doanh nghiệp (theo điều kiện, khả năng, sở thích và theo quy định của PL)

­ Mọi doanh nghiệp đều có quyền tự do kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật

­ Mọi loại hình doanh nghiệp đều được bình đẳng về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong kinh doanh

**BÀI 5: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO**

**1. Bình đẳng giữa các dân tộc**

***a. Khái niệm***

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được hiểu là các dân tộc trong một quốc gia không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ văn hố cao hay thấp, không phân biệt chủng tộc, màu da…đều được Nhà nước và PL tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển.

***b. Nội dung***

*\* Bình đẳng về chính trị*

Các dân tộc trên lãnh thổ nước ta (không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ phát triển) đều có đại biểu của mình trong hệ thống các cơ quan Nhà nước.

*\* Bình đẳng về kinh tế*

Nhà nước luôn quan tâm đầu tư phát triển kinh tế đối với tất cả các vùng, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

*\* Bình đẳng về văn hóa, giáo dục*

Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết và giữ gìn những phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc mình. Các dân tộc đều được bình đẳng trong việc hưởng thụ nền giáo dục nước nhà

***b. Ý nghĩa***

Bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở của đoàn kết giữa các dân tộc và đại đoàn kết dân tộc.

**2. bình đẳng giữa các tôn giáo.**

***a. Khái niệm***

Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là các tôn giáo ở Việt Nam đều có quyền hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ của pháp luật; đều bình đẳng trước pháp luật; những nơi thờ tự tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ.

***b. Nội dung***

*\** Các tôn giáo được Nhà nước công nhận đều bình đẳng trước pháp luật, có quyền hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật. Công dân thuộc các tôn giáo khác nhau, người có tôn giáo hoặc không có tôn giáo đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ công dân, không phân biệt đối xử vì lí do tôn giáo.

*\** Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật được Nhà nước bảo đảm; các cơ sở tôn giáo hợp pháp được pháp luật bảo hộ.

Các tôn giáo ở Việt Nam dù lớn hay nhỏ đều được Nhà nước đối xử bình đẳng như nhau và được tự do hoạt động trong khuôn khổ pháp luật

***c. Ý nghĩa***

Bình đẳng giữa các tôn giáo là cơ sở, tiền đề quan trọng của khối đại đồn kết tồn dân tộc

**BÀI 6: CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN**

**I. TÓM TẮT LÝ THUYẾT**

**1. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân**

***a. Khái niệm***

Không ai bị bắt, nếu không có quyết định của tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang.

***b. Nội dung***

Không một ai, dù ở cương vị nào có quyền tự ý bắt và giam, giữ người vì những lí do không chính đáng hoặc do nghi ngờ không có căn cứ.

- Các trường hợp được phép bắt, giam, giữ người theo quy định của PL:

**Trường hợp 1:** Bắt người theo **LỆNH**

Toàn án

Viện Kiểm sát

tạm giam

bị can,

bị cáo

sẽ gây khó khăn cho việc điều tra,

truy tố, xét xử;

sẽ tiếp tục phạm tội

khi

**Trường hợp 2:** Bắt người **KHẨN CẤP**

Bắt người

Khẩn cấp

Người đó chuẩn bị thực hiện tội phạm

- Rất nghiêm trọng

- Đặc biệt nghiêm trọng

Xét thấy bắt ngay để trốn không được

Ngăn chặn việc bỏ trốn.

Khi

**Trường hợp 3: AI cũng có quyền bắt**

Bắt người

phạm tội quả tang

đang bị truy nã

***c. Ý nghĩa:***

Nhằm ngăn chặn mọi hành vi tùy tiện bắt giữ người trái với quy định của pháp luật

**2. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân**

***a. Khái niệm***

Công dân có quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, được bảo vệ danh dự và nhân phẩm; không ai được xâm phạm tới tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của người khác.

***b. Nội dung***

*Thứ nhất:* Không ai được xâm phạm tới tính mạng, sức khỏe của người khác.

Nghiêm cấm

mọi hành vi

Đánh người làm tổn hại sức khỏe người khác.

Xâm phạm đến tính mạng: giết người,

đe dọa giết người, làm chết người

*Thứ hai:* Không ai được xâm phạm tới danh dự và nhân phẩm của người khác.

Không ai được

- Bịa đặt điều xấu

- Tung tin xấu, nói xấu

- Xúc phạm người khác

Để hạ uy tín và gây thiệt hại

về danh dự cho người đó.

***c. Ý nghĩa:***

­ Nhằm xác định địa vị pháp lí của công dân trong mối quan hệ với Nhà nước và xã hội.

­ Đề cao nhân tố con người trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

**3. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân**

***a. Khái niệm:*** (Xem SGK)

***b. Nội dung:***

**Quyền bất khả**

**xâm phạm**

**về chỗ ở**

Không ai được tự ý vào và khám xét chỗ ở của người khác.

Cho phép cán bộ nhà nước

có thẩm quyền khám xét chỗ ở

Khi có công cụ, phương tiện,

đồ vật liên quan đến vụ án.

Khi cần bắt người đang bị truy nã

hoặc người phạm tội đang lẫn tránh.

**4. Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thọai, điện tín**

Không ai được tự tiện bóc mở, thu giữ, tiêu hủy thư, điện tín của người khác

Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thọai, điện tín là quyền tự do cơ bản của công dân thuộc loại quyền bí mật đời tư của các nhân được mọi người tôn trọng, được PL bảo vệ.

Chỉ có những người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và chỉ trong những trường hợp cần thiết mới được tiến hành kiểm soát thư, điện thoại, điện tín của người khác.

**5. Quyền tự do ngôn luận**

Công dân có quyền tự do phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm của mình về các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước.

Hình thức

Phát biểu trực tiếp tại các cuộc họp ở các cơ quan, trường học, tổ dân phố,…

Viết bài gửi đăng báo, trong đó bày tỏ ý kiến, quan điểm của mình

Đóng góp ý kiến trực tiếp hoặc viết thư cho các đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân

**BÀI 7: CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN DÂN CHỦ**

**1. Quyền bầu cử và quyền ứng cử các cơ quan đại biểu của nhân dân**

***a. Khái niệm***

Quyền bầu cử và ứng cử là các quyền dân chủ cơ bản của công dân trong lĩnh vực chính trị, thông qua đó, nhân dân thực thi hình thức dân chủ GIÁN TIẾP ở từng địa phương và trong phạm vi cả nước

**b. Nội dung**

\* Người có quyền bầu cử và ứng cử vào cơ quan đại biểu của nhân dân:

Mọi công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử vào Quốc Hội, Hội đồng nhân dân.

Không được bầu cử khi

bị tòa án tước quyền bầu cử

đang phải chấp hành hình phạt tù

mất năng lực hành vi dân sự…

\*Cách thực hiện quyền bầu cử và ứng cử của công dân

**Các nguyên tắc**

**bầu cử**

**Phổ thông:** Mọi công dân đều có quyền bầu cử

**Bình đẳng:** Tất cả phiếu bầu đều có giá trị ngang nhau

không phụ thuộc vào giới tính, địa vị, dân tộc, tôn giáo….

**Trực tiếp:** Cử tri tự mình bỏ phiếu bầu

vào hòm phiếu (Không nhờ người khác đi bầu cử thay mình,

bỏ phiếu thay mình)

**Bỏ phiếu kín:** Cử tri bầu ai, không bầu ai đều được

đảm bảo bí mật (Không ai được xem nội dung

trong phiếu bầu của người khác)

­ Quyền ứng cử của công dân được thực hiện theo hai con đường: tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử.

***c. Ý nghĩa***

­ Là cơ sở pháp lý-chính trị quan trọng để hình thành các cơ quan quyền lực nhà nước,để nhân dân thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình.

­ Thể hiện bản chất dân chủ, tiến bộ của Nhà nước ta.

**2. Quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội**

***a. Khái niệm*** Xem SGK

Đây là quyền dân chủ TRỰC TIẾP của công dân

***b. Nội dung***

*\*Ở phạm vi cả nước:*

­ Tham gia thảo luận, góp ý kiến *xây xựng các văn bản pháp luật.*

­ Thảo luận và biểu quyết các vấn đề trọng đại khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân.

*\* Ở phạm vi cơ sở:*

Trực tiếp thực hiện theo cơ chế *“Dân biết, dân làm , dân kiểm tra”:*

­ Những việc phải được thông báo để dân biết mà thực hiện (chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước…).

­ Những việc dân làm và quyết định trực tiếp bằng biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín

­ Những việc dân được thảo luận , tham gia đóng góp ý kiến trước khi chính quyền xã quyết định .

­ Những việc nhân dân ở phường, xã giám sát , kiểm tra.

***c. Ý nghĩa***

Là cơ sở pháp lí quan trọng để nhân dân tham gia vào hoạt động của bộ máy Nhà nước, phát huy sức mạnh của toàn dân vào việc xây dựng bộ máy nhà nước vững mạnh và hoạt động có hiệu quả.

**3. Quyền khiếu nại, tố cáo của công dân**

Quyền khiếu nại và tố cáo là quyền dân chủ TRỰC TIẾP

***a. Phân biệt Khiếu nại và tố cáo***

***Khiếu nại***

Hành vi hành chính

Quyết định hành chính

Ví dụ: Nhận quyết định xử phạt không thỏa đáng 🡪 chúng ta đi khiếu nại

Nhận quyết định cho thôi việc không có lí do chính đáng 🡪 Khiếu nại

**Tố cáo**

Khi thấy bất cứ hành vi vi phạm pháp luật nào

Ví dụ: Thấy một nhóm tổ chức đánh bài bạc, đua xe, thấy hành vi nhận hối lộ….

***Mục đích***

Khiếu nại nhằm khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại đã bị xâm phạm .

Tố cáo nhằm phát hiện, ngăn chặn các việc làm trái PL, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, tổ chức và công dân.

***b. Nội dung***

\* Người có quyền khiếu nại , tố cáo:

Người khiếu nại: *mọi cá nhân, tổ chức* có quyền khiếu nại.

Người tố cáo: *Chỉ có công dân* có quyền tố cáo .

\* Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại , tố cáo

-Người giải quyết khiếu nại lần 1: Người đứng đầu cơ quan hành chính có quyết định, hành vi hành chính bị khiếu nại

-Người giải quyết tố cáo lần 1: người đứng đầu cơ quan tổ chức có thẩm quyền quản lý người bị tố cáo

Nếu hành vi bị tố cáo có dấu hiệu tội phạm thì do các cơ quan tố tụng giải quyết (Tòa án)

**BÀI 8: PHÁP LUẬT VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG DÂN**

**1. Quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân**

***a. Quyền học tập của công dân***

***Nội dung***

Học bất cứ ngành nghề nào phù hợp

Học không hạn chế

Học thường xuyên, học suốt đời

Bình đẵng về cơ hội học tập

***b. Quyền sáng tạo của công dân***

***Nội dung***

Quyền tác giả

Quyền sở hữu công nghiệp

Quyền hoạt động khoa học, công nghệ

***c. Quyền được phát triển của công dân***

***Nội dung:***

Một là, quyền của công dân được hưởng đời sống vật chất và tinh thần đầy đủ để phát triển tồn diện.

Hai là, công dân có quyền được khuyến khích, bồi dưỡng để phát triển tài năng.

**2. Ý nghĩa quyền học tập, sáng tạo và phát triển của công dân**

(Tự đọc thêm SGK)

**3. Trách nhiệm của Nhà nước và công dân**

***a. Trách nhiệm của Nhà nước***

­ Ban hành chính sách, pháp luật….

­ Thực hiện công bằng XH trong giáo dục.

­ Khuyến khích, phát huy sự tìm tòi, sáng tạo trong nghiên cứu KH.

­ Bảo đảm những điều kiện để phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

***b. Trách nhiệm của CD***

­ Có ý thức học tập tốt.

­ Có ý chí vươn lên, luôn chịu khó tìm tòi, sáng tạo

* Có ý thức góp phần vào việc nâng cao dân trí.

**BÀI 9: PHÁP LUẬT VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA ĐẤT NƯỚC**

**1. PL về phát triển kinh tế**

***a. Quyền tự do kinh doanh của công dân***

Mọi CD khi có đủ điều kiện theo quy định của PL đều có quyền tiến hành hoạt động kinh doanh sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp nhận đăng ký kinh doanh.

***b. Nghĩa vụ của người kinh doanh:***

**Nghĩa vụ**

Không kinh doanh ngành nghề PL cấm

Nộp thuế đầy đủ

Bảo vệ môi trường

Kinh doanh đúng ngành nghề ghi trong giấy phép

Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Tuân thủ quy định về quốc phòng, an ninh, trật tự

**2. PL Trong lĩnh vực xã hội**

Pháp luật có vai trò quan trọng thúc đẩy sự phát triển trong lĩnh vực xã hội.

Trong nền KT thị trường, nhiều vấn đề XH phát sinh, cần phải được giải quyết: dân số và việc làm; bất bình đẳng xã hội và tăng nhanh khoảng cách giàu nghèo; bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho ND; xóa đói giảm nghèo; tệ nạn xã hội; đạo đức và lối sống; v.v…

Các vấn đề xã hội trên đây chỉ có thể được giải quyết một cách hiệu quả nhất thông qua các quy định của pháp luật.

**3.** **PL bảo vệ môi trường**

- Người có hành vi vi phạm các quy định của PL về bảo vệ môi trường sẽ bị xử lý tùy theo tính chất, mức độ vi phạm

- Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của Nhà nước, là quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân.

**4. PL trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh**

- VD: Luật Quốc phòng, Luật An ninh, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Công an nhân dân….

- PL quy định củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia là nhiệm vụ của toàn dân mà nòng cốt là Quân đội nhân dân và Công an nhân dân

- Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân.